

Bản án số: 32/2018/HSST

Ngày : 31/01/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Tất Trình

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Tiến Dũng

Bà Nguyễn Thị Ánh Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quang Lâm – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thọ - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án Nhân dân quận Thủ Đức, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 352/2017/HSST ngày 29/12/2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2018/QĐXXST-HS ngày 08/01/2018 đối với bị cáo:

ĐOÀN VĂN T, giới tính: Nam; sinh: 1974; nơi sinh: tại D; thường trú: khu phố A, phường Đ, thị xã D, tỉnh B; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Làm thuê; con ông Đoàn Văn V và bà Hoàng Thị U; vợ: Phạm Thị H; có 03 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: không; tạm giam từ ngày 13/6/2017 đến ngày 16/6/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Trần Phi Đ - Văn phòng Luật sư X, Đoàn Luật sư Tp.Hồ Chí Minh (có mặt)

Bị hại: Anh Lê Minh P sinh: 1964

Thường trú: khu phố S, phường L, quận T, Thành phố H (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đoàn Văn T làm nghề chạy xe ôm tại khu vực công viên O, quận R, Tp.Hồ Chí Minh. Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 26/11/2004, khi T đang đứng chờ khách thì có 01 thanh niên tên M (không rõ lai lịch) đến thuê T chở đến quận Thủ Đức để tìm tài sản lấy trộm và trả công cho T 50.000đ, T đồng ý và dùng xe mô tô biển số 53R5-9959 chở M đi. Khi đến đầu cầu G thuộc khu phố S, phường L, quận T, Thành phố H, T dừng xe lại cho M xuống đi tìm tài sản lấy trộm, T chạy xe lòng vòng trên đường K chờ. Đến khoảng 03 giờ 30 phút cùng ngày, M lấy trộm được 51 chậu hoa phong lan của anh Lê Minh P, tại địa chỉ khu phố S, phường L, quận T, Thành phố H, xách lên xe để T chở về hướng ngã tư E tẩu thoát, nhưng đi được khoảng 500m thì bị người làm thuê cho anh P phát hiện và cùng người dân đi đường đuổi theo bắt quả tang T, M quăng 51 chậu hoa phong lan lại và chạy thoát.

Ngày 28/02/2005, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Thủ Đức đã ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can và ra Lệnh bắt tạm giam đối với T về “Tội trộm cắp tài

sản”, nhưng T đã bỏ trốn, nên Cơ quan cảnh sát điều tra đã ra lệnh truy nã và tạm đình chỉ điều tra vụ án, tạm đình chỉ điều tra bị can đối với T.

Ngày 13/6/2017, T ra đầu thú tại Công an quận Thủ Đức, nên đã phục hồi điều tra đối với T.

Kết quả định giá tài sản số 294 ngày 20/7/2007 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự quận Thủ Đức, kết luận: 51 chậu hoa phong lan cảnh, trị giá 6.120.000đ.

Vật chứng vụ án:

- 51 chậu hoa phong lan (đã trả cho bị hại);
 - 01 xe mô tô biển số 53R5-9959 (đã trả cho chủ sở hữu).
- Về phần dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì.

Tại bản Cáo trạng số 29/CT- VKS ngày 28/12/2017, Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức đã truy tố bị cáo Đoàn Văn T về “Tội trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức phát biểu ý kiến giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo T về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự, đề nghị áp dụng điều luật đã truy tố, điểm g, h, p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù.

Bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức đã truy tố; bị cáo nhìn nhận trách nhiệm của mình, tỏ T độ ăn năn hối cải, xin giảm nhẹ hình phạt.

Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày quan điểm bào chữa thống nhất về tội danh và khung hình phạt Viện kiểm sát truy tố, nên không tranh luận; Luật sư đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: Sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản chiếm đoạt đã thu hồi trả cho bị hại, ra đầu thú, hiện bị cáo là lao động chính, đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự khi lượng hình đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Thủ Đức, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, các hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về nội dung: Căn cứ lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, thể hiện: Ngày 26/11/2004, sau khi được người thanh niên tên M rủ đi trộm cắp tài sản, bị cáo đã sử dụng chiếc xe mô tô biển số 53R5-9959, chở M đến địa bàn quận T để tìm tài sản trộm cắp và tại khu phố S, phường L, quận T, Thành phố H, M đã có hành vi lấy trộm 51 chậu hoa phong lan của anh Lê Minh P và lên xe bị cáo chở đi tẩu thoát thì bị phát hiện bắt quả tang, tài sản chiếm đoạt giá trị 6.120.000đ, hành vi của bị cáo là đồng phạm với người tên M về “Tội trộm cắp tài sản”. Do đó có đủ căn cứ kết luận hành vi của

bị cáo đã phạm vào “Tội trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định trùng trị tại Điều 138 Bộ luật Hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã cố ý xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội tại địa phương. Bị cáo biết rõ hành vi phạm tội của mình sẽ bị pháp luật nghiêm trị, nhưng vẫn phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, thể hiện xem thường sự trừng phạt của pháp luật. Việc truy tố bị cáo về “Tội trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 và sửa đổi bổ sung năm 2009 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Vì vậy, cần xử phạt nghiêm tương xứng với tính chất và hành vi phạm tội của bị cáo nhằm đảm bảo tác dụng cải tạo, giáo dục riêng và răn đe, phòng ngừa chung.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, phạm tội chưa gây thiệt hại, ra đầu thú sau khi bị truy nã, là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g, h, p Khoản 1 và 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự, giảm cho bị cáo một phần trách nhiệm hình sự mà lẽ ra bị cáo phải chịu. Trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội do bị rủ rê và từ khi được tại ngoại đến nay không có vi phạm gì, có khả năng tự cải tạo hoàn lương trong môi trường xã hội cụ thể, không cần thiết bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù mà cho bị cáo hưởng án treo theo quy định tại Điều 60 Bộ luật hình sự cũng đủ tác dụng cải tạo giáo dục và tạo điều kiện để bị cáo sửa chữa lỗi lầm của mình.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Đối với người tên M, do không xác định được lai lịch, khi nào làm rõ được sẽ xử lý sau.

Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

- Người bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì, nên không xét.
- Chiếc xe mô tô biển số 53R5-9959, do chị Đoàn Thị Đ, chị bị cáo đứng tên sở hữu. Chị Đ cho bị cáo mượn sử dụng chạy xe ôm, không biết bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại xe cho chị Đ là đúng quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1- Tuyên bố bị cáo **Đoàn Văn T** phạm “Tội trộm cắp tài sản”.

2- Áp dụng Khoản 1 Điều 138; điểm g, h, p Khoản 1 và Khoản 2 Điều 46; Khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999:

- Xử phạt bị cáo **Đoàn Văn T** 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 năm, tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường Đ, thị xã D, tỉnh B giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

3- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo được quyền kháng cáo bản án để Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án.

(Đã giải thích chế định án treo)

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- VKSND Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Thủ Đức;
- Cơ quan CSĐT Công an quận Thủ Đức;
- Nhà tạm giữ Công an quận Thủ Đức;
- Cơ quan THA.HS Công an quận Thủ Đức;
- Chi cục THA.DS quận Thủ Đức;
- Bị cáo, người bị hại;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Tất Trình